TAND HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 12 - 02 - 2018.
V/v: "Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thủy.

2. Bà La Thị Thanh Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện Văn Bàn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Lào Cai *tham gia phiên toà:*

Ông Trần Thế Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX - ST ngày 17/01/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Triệu Xuân H, sinh năm 1973 - Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L.

2. Bị đơn: Bà Bàn Thị M, sinh năm 1974 - Vắng mặt.

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L.

3. Người làm chứng:

Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1994 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Triệu Xuân H yêu cầu: Ông và bà Bàn Thị M có tìm hiểu và tự nguyện về chung sống với nhau, cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc mình từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dậy con cái. Cho đến năm 2013 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hòa hợp về quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế và tính tình quá khác biệt nhau không thể dung hòa được. Trầm trọng nhất vào ngày 05/5/2015 (âm lịch) vợ chồng Ông cãi nhau lớn, xúc

phạm danh dự của nhau, sau đó vợ Ông tự ý tách khẩu của mình cùng các con sang sổ hộ khẩu mới, do đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến ai nữa và vợ chồng Ông sống ly thân từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa cả về tình cảm cũng như kinh tế. Mâu thuẫn của vợ chồng Ông đã được hai bên gia đình, thôn, bản khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay Ông xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với bà Bàn Thị M để ổn định cuộc sống của riêng mình.

Trong thời gian chung sống Ông và bà Bàn Thị M có 04 con chung: Cháu thứ nhất là Triệu Thị T, sinh ngày 29/9/1991; cháu thứ hai là Triệu Văn N, sinh ngày 26/3/1993; Cháu thứ ba là Triệu Văn C, sinh ngày 16/11/1997; cháu thư tư là: Triệu Văn H, sinh ngày 12/8/1999. Hiện nay hai cháu Triệu Thị T và Triệu Văn N đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng; cháu Triệu Văn C, Triệu Văn H đã trưởng thành sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nên Ông không có yêu cầu đề nghị gì.

Về tài sản: Ông và bà Bàn Thị M tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết; Ông và bà M không có nghĩa vụ tài sản với cá nhân, tổ chức nào. Ngoài ra Ông không có yêu cầu gì khác.

Ngày 29/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn thụ lý vụ án, ngày 30/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giao thông báo thụ lý vụ án cho bà Bàn Thị M, hết thời hạn 15 ngày nhưng bà M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Triệu Xuân H. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã triệu tập bà M đến làm việc nhưng bà M không chấp hành. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã phối hợp với chính quyền địa phương xuống tận gia đình bà M làm việc, giải thích quyền và nghĩa vụ cho bà M theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà M không nhận bất cứ văn bản, giấy tờ liên quan đến vụ án do Tòa án giao, bà M từ chối làm việc, không trình bầy ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện. Ngày 18/12/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giao thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ cho bà M nhưng bà M không nhận, hết thời hạn cung cấp chứng cứ nhưng bà M không cung cấp chứng cứ, không đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Bà M cho rằng Bà và ông Triệu Xuân H chung sống với nhau từ năm 1990 đến tháng 5/2015 thì không chung sống với nhau nữa. Bà và ông H không đăng ký kết hôn với nhau nhưng có 04 con chung nên vẫn là vợ chồng và bà không nhất trí ly hôn với ông H. Các buổi làm việc sức khỏe, tinh thần bà M bình thường. Ngày 08/01/2018 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nhưng bà M không có mặt. Ngày 31/01/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà M vắng mặt tại phiên Tòa.

Người làm chứng xác nhận: Việc tống đạt và làm việc với bà Bàn Thị M, bà M không hợp tác, không trình bầy ý kiến của mình, không nhận các văn bản do Tòa án tống đạt.

Kết quả thu thập chứng cứ xác minh tại xã T, huyện V: Ông Triệu Xuân H và bà Bàn Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết

hôn, đến tháng 5/2015 thì hai người sống ly thân. Ông H và bà M có 04 con chung, không ai có con riêng, hiện nay các con của ông H, bà M đã trưởng thành đủ 18 tuổi trở lên, các cháu đều có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định về việc xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 239, 242, 243, 247, 249, 250, 251, 254, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử không công nhận ông Triệu Xuân H và bà Bàn Thị M là vợ chồng

Về án phí: Buộc ông Triệu Xuân H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào lời khai, các chứng cứ nguyên đơn trình bầy tại phiên Tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật: Bị đơn bà Bàn Thị M không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự nhưng Tòa án đã tống đạt hợp lệ nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng qui định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Triệu Xuân H và bà Bàn Thị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông H và bà M chung sống hạnh phúc cho đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Theo ông H nguyên nhân mâu thuẫn do không hòa hợp về quan điểm sống, bất đồng trong việc làm ăn kinh tế và tính tình quá khác biệt nhau không thể dung hòa được. Đến tháng 5/2015 thì ông H, bà M sống ly thân từ đó cho đến nay. Như vậy việc chung sống của ông H và bà M là không hợp pháp, nên không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy việc ông H yêu cầu ly hôn với bà M, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận, mà cần tuyên bố không công nhận ông H và bà M là vợ chồng.

[3] Về con: Ông H và bà M có 04 con chung, không ai có con riêng, hiện nay các con của ông H, bà M đã trưởng thành đủ 18 tuổi trở lên, các cháu đều có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động. Nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản: Ông Triệu Xuân H tự thỏa thuận với bà Bàn Thị M nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trong thời gian chung sống ông, bà không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật nguyên đơn ông Triệu Xuân H phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử không công nhận ông Triệu Xuân H và bà Bàn Thị M là vợ chồng.

2/ Về án phí: Ông Triệu Xuân H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AB/0006726 ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Ông Triệu Xuân H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Án xét xử công khai kết thúc hồi 11 giờ 55 phút cùng ngày 12/02/2018.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái